

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường
trong hoạt động giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải” với những nội dung sau đây:

1. Quan điểm

a) Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải phải phù hợp với sự phát triển của hoạt động giao thông vận tải.

b) Coi trọng công tác phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát phát thải tại nguồn trong hoạt động giao thông vận tải; tập trung xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải; từng bước thực hiện phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động phát triển của toàn ngành.

c) Phát huy tối đa các nguồn lực trong nước và quốc tế; huy động, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

d) Phát huy vai trò của cộng đồng đảm bảo việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

đ) Ứng dụng khoa học công nghệ vào việc phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

e) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống quản lý môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

2. Mục tiêu của đề án

a) Mục tiêu tổng quát

Kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế gia tăng ô nhiễm, thực hiện hoàn nguyên môi trường trong hoạt động giao thông vận tải; hướng tới xây dựng hệ thống giao thông vận tải bền vững, thân thiện môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn từ năm 2011 - 2015

+ Hoàn thành việc tập huấn, đào tạo, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ chủ chốt ngành giao thông vận tải.

+ Các doanh nghiệp công nghiệp thuộc ngành giao thông vận tải có hệ thống quản lý môi trường và thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý chất thải phù hợp với từng loại hình hoạt động theo các quy định của pháp luật.

+ Thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tăng cường trang thiết bị thu gom, xử lý chất thải do hoạt động giao thông vận tải theo quy định của pháp luật. Đến năm 2015 ít nhất: 25% số toa xe khách đường sắt đóng mới, 80% bến xe khách loại 1 được trang bị công cụ, thiết bị và tổ chức thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt; 30% cảng biển quốc tế có trang bị phương tiện thu gom, xử lý rác thải, dầu thải từ tàu biển; tổ chức thí điểm và từng bước thực hiện thu gom, xử lý rác thải, nước thải trên một số cảng, cụm cảng đầu mối đường thủy nội địa; thực hiện quản lý chất thải từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng theo quy định pháp luật.

+ Hoàn thiện bản đồ tiếng ồn đối với 50% cảng hàng không, sân bay; đề xuất phương án giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động vận tải hàng không.

+ Tổ chức phân loại, thu gom chất thải rắn y tế tại các bệnh viện, phòng khám ngành giao thông vận tải theo Quy chế Quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế; 50% số bệnh viện, phòng khám, trung tâm phục hồi chức năng thuộc ngành giao thông vận tải có hệ thống thu gom, xử lý chất thải lỏng y tế, 50% số bệnh viện ngành có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế tiên tiến tại chỗ.

- Giai đoạn từ năm 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030

Giai đoạn từ năm 2016 - 2020

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trang thiết bị thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trên các tuyến đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa. Đến năm 2020 đạt 80% số toa xe khách đường sắt đóng mới được trang bị công cụ, thiết bị thu gom, phân loại rác thải và xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Hoàn thiện bản đồ tiếng ồn đối với tất cả các cảng hàng không, sân bay và phương án giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động vận tải hàng không.

+ Tiếp tục duy trì thực hiện tiêu chuẩn khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ 70% cảng biển quốc tế; 50% cảng, bến thủy nội địa loại 1 có trang bị phương tiện, thiết bị thu gom rác thải, dầu thải từ các tàu.

+ 100% các bệnh viện, phòng khám ngành giao thông vận tải tổ chức phân loại, thu gom tốt chất thải rắn y tế; 80% số bệnh viện, phòng khám, trung tâm phục hồi chức năng có hệ thống thu gom, xử lý chất thải lỏng y tế; 80% số bệnh viện ngành có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế tiên tiến tại chỗ.

Định hướng đến năm 2030

Phát triển hệ thống giao thông vận tải thân thiện với môi trường, cơ bản kiểm soát được các thành phần gây ô nhiễm môi trường trên tất cả các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không.

3. Các nhiệm vụ cơ bản của Đề án

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, bộ máy quản lý về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động giao thông vận tải.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về môi trường từ cấp Bộ đến cấp cơ sở.

b) Kiểm soát chất thải do hoạt động giao thông vận tải

- Tổ chức quản lý, kiểm tra khí thải phương tiện cơ giới đường bộ theo các tiêu chuẩn đã ban hành; tổ chức quản lý phát thải khí gây ô nhiễm, khí nhà kính do hoạt động giao thông vận tải.

- Quản lý và giảm thiểu chất thải lỏng gây ô nhiễm do hoạt động giao thông vận tải; đặc biệt quan tâm đến việc quản lý nước dẫn tàu của các phương tiện vận tải biển; nước thải sinh hoạt do hoạt động giao thông vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, nước thải từ hoạt động y tế giao thông vận tải.

- Quản lý, xử lý đúng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh chất thải do hoạt động giao thông vận tải: rác thải sinh hoạt do hoạt động giao thông vận tải, chất thải rắn trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, rác thải y tế giao thông vận tải.

- Quản lý các thành phần gây ô nhiễm khác: bụi (PM10, PM2.5) tiếng ồn, độ rung, ... Đặc biệt quan tâm đến việc kiểm soát bụi PM10 và tiếng ồn do hoạt động giao thông vận tải tại các đô thị.

c) Tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực quản lý về môi trường trong giao thông vận tải

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải; tăng cường phổ biến kỹ năng lái xe sinh thái cho các đối tượng tham gia giao thông và toàn xã hội; sử dụng một cách triệt để và có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của ngành.

- Tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý về công tác bảo vệ môi trường cho cán bộ chủ chốt ngành giao thông vận tải.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động giao thông vận tải trên phạm vi toàn quốc.

d) Ứng dụng khoa học công nghệ trong giao thông vận tải nhằm kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

- Thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về bảo vệ môi trường; triển khai các đề án, dự án về sử dụng năng lượng, vật liệu, công nghệ thân thiện môi trường trong giao thông vận tải.

- Tăng cường năng lực cho các cơ quan nghiên cứu, tư vấn về môi trường thuộc ngành giao thông vận tải để có đủ chuyên gia kỹ thuật, trang thiết bị cần thiết thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành phục vụ cho công tác quản lý môi trường của ngành.

- Phát triển ứng dụng công nghệ tái chế vật liệu phế thải trong giao thông vận tải.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong giao thông vận tải nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình nghiên cứu, ứng dụng công nghệ về xử lý chất thải do hoạt động giao thông vận tải; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư sản xuất trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường ngành giao thông vận tải.

đ) Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án hợp tác với các nước tiên tiến nhằm triển khai một cách có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

- Thu hút các nguồn lực của các quốc gia phát triển tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường ngành giao thông vận tải.

- Tham gia các chương trình hành động về môi trường của quốc tế, khu vực về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải.

4. Cơ chế chính sách và kinh phí thực hiện

a) Cơ chế chính sách

- Nhà nước khuyến khích và có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo vệ môi trường; đầu tư ứng dụng năng lượng, phương tiện, công nghệ thân thiện môi trường trong giao thông vận tải.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và sự tham gia của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải:

+ Khuyến khích xã hội hóa các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.

+ Xây dựng và từng bước áp dụng phát triển bền vững trong ngành giao thông vận tải.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế:

+ Đẩy mạnh hợp tác quốc tế dưới hình thức hợp tác đa phương, song phương với các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

+ Tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ về kinh nghiệm, công nghệ và nguồn lực của các nước phát triển.

+ Các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, Tổng công ty, Ban quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải huy động các nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, nguồn vốn ODA của các nước để đẩy nhanh việc thực hiện Đề án này.

b) Nguồn vốn thực hiện Đề án

Nguồn vốn thực hiện Đề án được huy động từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước; vốn hỗ trợ của nước ngoài và các nguồn vốn khác. Nguồn vốn ngân sách nhà nước trước mắt ưu tiên thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản của đề án, dự án giai đoạn 2011 - 2015.

Phê duyệt về nguyên tắc 18 nhiệm vụ, đề án, dự án (chi tiết như trong Phụ lục kèm theo Quyết định này). Tổng kinh phí nhà nước cấp để thực hiện 18 nhiệm vụ, đề án, dự án trong giai đoạn 2011 - 2015 dự kiến là 700 tỷ đồng trên cơ sở tổng hợp các dự toán kinh phí chi tiết của từng nhiệm vụ, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trình tự lập kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm, giao và phân bổ chi tiết kế hoạch, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn được thực hiện theo các qui định hiện hành.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Giao thông vận tải

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện đề án với thành phần chính bao gồm: đại diện Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan. Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải là Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện đề án.

- Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện đề án theo quy định. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải.

- Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước dài hạn và từng năm theo quy định.

- Chủ trì xây dựng, phê duyệt đề cương, kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ được phân công. Hướng dẫn và hỗ trợ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện đề án tại các địa phương.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Đề án.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải bố trí kế hoạch vốn ngân sách nhà nước dài hạn và từng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

c) Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải bố trí và hướng dẫn sử dụng kế hoạch vốn ngân sách hàng năm dài hạn và từng năm để thực hiện các nhiệm vụ, tiến độ của Đề án theo quy định.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý; hướng dẫn về chuyên môn trong quá trình thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải.

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin, báo chí

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan, chỉ đạo và thực hiện thông tin, tuyên truyền, để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải để các tổ chức, người dân hưởng ứng thực hiện.

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Xây dựng kế hoạch hành động, cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện đề án tại các địa phương.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án liên quan đến địa phương.

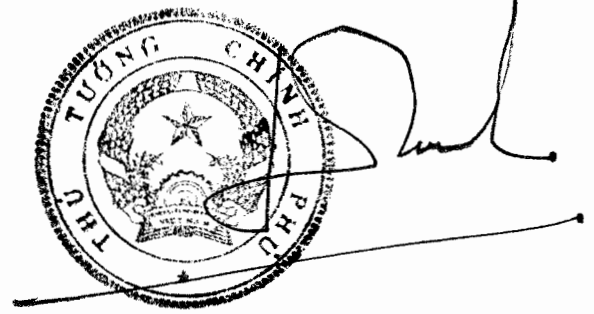
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban An toàn giao thông QG;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: KGVX, NC, KTTH, PL, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).Q. 150

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

BIỆN GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 855/QĐ-TTg
ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)		Ghi chú
					Ngân sách	Khác	
I	HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG GTVT						
1	Khảo sát, đánh giá tình hình áp dụng tiêu chuẩn khí thải Châu Âu (Euro 2); xây dựng lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải tiếp theo (Euro 3, 4, 5) đối với phương tiện cơ giới đường bộ và chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để triển khai thực hiện.	Bộ GTVT (Cục ĐKVN)	- Bộ KH&CN - Bộ TN&MT	2011 - 2015	5000		
2	Rà soát, xây dựng, ban hành bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp lý, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường trong lĩnh vực GTVT.	Bộ GTVT (Các Cục Quản lý chuyên ngành)	- Bộ TN&MT - Bộ KH&CN - Bộ Công an	2011 - 2015	2000		
II	NGHIÊN CỨU THAM GIA CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ BVMT TRONG HOẠT ĐỘNG GTVT						
1	Khảo sát, đánh giá, đề xuất và chuẩn bị các điều kiện gia nhập Công ước MARPOL 73/78 (các phụ lục 3, 4, 5) và các công ước về Bảo vệ môi trường khác trong lĩnh vực Hàng hải	Bộ GTVT (Cục HHVN)	- Bộ TN&MT - Bộ Ngoại giao	2011 - 2015	2000		

2	Rà soát, cập nhật, xây dựng đề án gia nhập các công ước quốc tế; các chương trình, kế hoạch hành động quốc tế và khu vực liên quan đến hoạt động môi trường của ngành giao thông vận tải.	Bộ GTVT	- Bộ TN&MT - Bộ Ngoại giao		1000		
III	QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÁT SINH TRONG HOẠT ĐỘNG GTVT						
1	Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý rác thải do vận tải khách đường bộ và ứng dụng trên các tuyến vận tải khách công cộng.	Bộ GTVT (Tổng Cục ĐBVN)	- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Các doanh nghiệp vận tải	2011 - 2012	3.000	2.000	
2	Xây dựng mô hình tổ chức quản lý chất thải tại các cảng biển và đầu tư thí điểm trung tâm thu gom, xử lý chất thải từ tàu biển.	Bộ GTVT (Cục HHVN)	- Bộ TN&MT - UBND tỉnh, thành phố có liên quan.	2014 - 2015	100.000		
3	Xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải do hoạt động vận tải thủy nội địa tổ chức thí điểm trên một số cảng đường thủy nội địa.	Bộ GTVT (Cục ĐTNĐ)	- Bộ TN&MT - UBND tỉnh, thành phố có liên quan	2012 - 2015	15.000		
4	Thiết kế, lắp đặt hệ thống thiết bị vệ sinh tự hoại trên các toa xe đường sắt.	Bộ GTVT (Cục ĐSVN)	- Bộ KH&ĐT - Tổng công ty ĐSVN	2011 - 2015	50.000	50.000	
5	Xây dựng thí điểm hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	Bộ GTVT (Cục HKVN)	- Bộ TN&MT - Tổng công ty HKVN	2012 - 2013	3.000		
6	Hỗ trợ đầu tư hệ thống thu gom xử lý chất thải y tế lỏng tại các bệnh viện, phòng khám GTVT)	Bộ GTVT (Cục y tế GTVT)	- Bộ TN&MT - Bộ Y tế	2011 - 2015	50.000		
7	Hỗ trợ một số cơ sở công nghiệp đầu tư, xây dựng hệ thống kiểm soát các chất ô nhiễm từ hoạt động của công nghiệp giao thông vận tải.	Bộ GTVT	- Bộ TN&MT - Bộ KH&ĐT - Bộ CT	2011 - 2015	50.000		

IV	TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC, NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG GTVT						
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lái xe thân thiện môi trường góp phần giảm phát thải khí nhà kính và chất gây ô nhiễm không khí.	Bộ GTVT	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Dạy nghề)	2011 - 2015	4.000		
2	Tăng cường năng lực cho các tổ chức, cơ quan quản lý môi trường trong ngành GTVT, đặc biệt là năng lực quản lý nhà nước về giám sát, kiểm tra môi trường đối với các hoạt động GTVT	Bộ GTVT	- Bộ TN&MT - Bộ Tài chính	2011 - 2015	30.000		
V	NHÓM GIẢI PHÁP VỀ ỨNG DỤNG KHCN VÀO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÀNH GTVT						
1	Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng thí điểm LPG, CNG trong vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.	Bộ GTVT	- Bộ Công Thương - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, HCM và Đà Nẵng	2011 - 2015	220.000		
2	Xây dựng, thực hiện đề án đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường để phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá, quản lý môi trường đối với các hoạt động phát triển GTVT.	Bộ GTVT	- Bộ TN&MT - Bộ Công an	2011 - 2015	50.000		
3	Nghiên cứu và thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển giao thông vận tải công cộng tại các thành phố lớn.	Bộ GTVT	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		50.000		
4	Xây dựng đề án tối ưu hoá đường bay nhằm tiết kiệm nhiên liệu, giảm phát thải ra môi trường.	Bộ GTVT	Tổng công ty HKVN		5.000		

5	Khảo sát, đánh giá, xây dựng bản đồ ô nhiễm tiếng ồn và giải pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động giao thông đường bộ, đường sắt gây ra tại các trục giao thông trọng yếu; đầu tư thí điểm kết cấu giảm ồn trên một số tuyến đường bộ, đường sắt.	Bộ GTVT			60.000		
	Tổng cộng				700.000	52.000	
Bảng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn./.							